

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 43/2019/HSST

Ngày 27/9/2019

Vụ: L cùng các bị cáo TT, SD, MB trái
phép VKQD; TT trái phép VL nổ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Lễ,
2. Ông Đỗ Văn Cường.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai .

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Sen – Kiểm sát viên trung cấp.

Mở phiên tòa công khai ngày 27/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2019/TLST-HS ngày 16/8/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2019/QĐXXST-HS ngày 12/9/2019 đối với các bị cáo:

1. L (Tên gọi khác: D). Sinh năm 1981 tại huyện M, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Làng T, xã K, huyện M, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: nông. Trình độ văn hóa: không có học. Dân tộc: Ba Na. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông M, sinh năm 1957 và bà H, sinh năm 1957. Có vợ tên là N, sinh năm 1984 và có 3 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/12/2018 đến ngày 02/01/2019 được cho tại ngoại. Sau đó bị bắt tạm giam từ ngày 03/5/2019 đến nay. Hiện đang chấp hành lệnh tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đinh A. Sinh năm 1987 tại huyện K, Gia Lai. Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Làng T, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: nông. Trình độ văn hóa: 3/12. Dân tộc: Ba Na. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đinh K và bà Đinh Thị D (đều đã chết). Có vợ tên là Đinh Thị P, sinh năm 1990 và có 2 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền án, Tiền sự: Không Nhân thân: năm 2010 bị TAND huyện K xử phạt 07 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, ngày 5/5/2010 chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

3. Đinh O (Tên gọi khác: Đinh Văn O). Sinh năm 1985 tại huyện K, Gia Lai. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Làng B, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: nông. Trình độ văn hóa: không có học. Dân tộc: Ba Na. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đinh K, sinh năm 1959 và bà Đinh Thị C, sinh năm 1962. Có vợ tên là Đinh Thị A, sinh năm 1987 và có 1 con sinh năm 2007. Tiền án: 01 Tiền án: Năm 2012 bị TAND huyện K xử phạt 12 tháng tù về tội “cố ý gây thương tích”, ngày 4/6/2013 chấp hành xong hình phạt, chưa chấp hành án phí hình sự. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/7/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam. Có mặt tại phiên tòa.

4. Đinh B (Tên gọi khác: Bã D). Sinh năm 1978 tại huyện K, Gia Lai. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Làng H, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: nông. Trình độ văn hóa: không có học. Dân tộc: Ba Na. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đinh G và bà Đinh Thị L (đều đã chết). Có vợ tên là Đinh Thị T, sinh năm 1985 và có 3 con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

5. Đinh Rơ P. Sinh năm 1986 tại huyện K, Gia Lai. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Làng B, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: nông. Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Ba Na. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đ (đã chết) và bà Đinh Thị C, sinh năm 1954. Có vợ tên là Đinh Thị T, sinh năm 1997 và có 2 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**

- **Đinh D**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Làng B, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai, có mặt.
- **H**, sinh năm 1946. Địa chỉ: Làng T, xã K, huyện M, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.
- **Đinh Văn C**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Làng N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai, có mặt.
- **Đinh Thị A**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Làng B, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai, có mặt.

*** Người phiên dịch tiếng Ba na:**

Anh Kpă Tó, sinh năm 1987. Là nhân viên Ngân hàng chính sách xã hội xã Đăk Kơ Ning, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo cáo trạng, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, trong lúc đi làm rẫy tại xã K, huyện M, tỉnh Gia Lai, L nhặt được 01 bì ni lon màu đen bên trong có 01 đoạn dây cháy chậm dài khoảng 1,2 mét và 40 cái kíp nổ, sau đó L mang về nhà cất giấu.

Năm 2017, trong lúc đi rà sắt trong rừng thuộc xã K, huyện M, L nhặt được khoảng 800 gam thuốc nổ; 01 khẩu súng AR15 bên trong có 02 viên đạn; 01 khẩu súng bắn đạn Kabin; 30 viên đạn AR15; 30 viên đạn Kabin và 10 viên đạn CKC, sau đó L mang về nhà cất giấu.

Khoảng tháng 02/2017, L lấy đoạn dây cháy chậm trên cát ra 41 đoạn, mỗi đoạn dài khoảng 03cm. Sau đó, L sử dụng 08 đoạn dây cháy chậm, 08 cái kíp nổ và 800 gam thuốc nổ để nổ mìn đào giếng cho L1 (em trai L).

Đối với số đạn trên: L đã sử dụng 26 viên đạn Kabin, 08 viên đạn AR15 để đi săn thú rừng. Đến cuối năm 2017, khẩu súng bắn đạn Kabin bị hỏng, L tháo rời các bộ phận của súng ra bán sắt vụn. Còn khẩu súng AR15 cùng 03 viên đạn AR15, ngày 01/12/2017 L nhờ L1 (em trai L) giao nộp cho Công an huyện M.

Năm 2018, khi đi rà sắt, L tiếp tục nhặt được 01 khẩu súng Klip Đu và một bịch thuốc nổ. Đồng thời, L mua của một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) 03 viên đạn Kalip Đu với giá 100.000 đồng/viên và mua của ông H (trú làng T, xã K, huyện M, tỉnh Gia Lai) một khẩu súng tự chế với giá 1.500.000 đồng để đi săn thú rừng.

Đến giữa năm 2018, L nói cho Đinh A biết hiện L đang có 01 khẩu súng độ chế, nhưng L cần có 01 khẩu súng mạnh hơn để đi săn thú rừng. Đinh A đã nói cho L biết hiện “Đinh A đang có 01 khẩu súng CKC”. Sau đó, **L đã đổi khẩu súng tự chế cho Đinh A để lấy khẩu súng CKC**. Khi đổi súng, L đã trả thêm cho Đinh A Lơnh 4.500.000 đồng.

Sau đó, L đã sử dụng khẩu súng CKC cùng 10 viên đạn CKC nhặt được vào năm 2017 để đi săn thú rừng. L đã sử dụng hết 05 viên đạn, còn lại 05 viên đạn, L để trong hộp tiếp đạn của khẩu súng CKC.

Đến tháng 07/2018, L gọi điện thoại hỏi Đinh O có mua khẩu súng CKC không, O đồng ý. Khoảng 01 tuần sau, L mang khẩu súng và 05 viên đạn CKC đến nhà O. Tại đây, L hướng dẫn cho O cách sử dụng súng và bắn thử một viên đạn. Sau khi xem súng, O đã mua khẩu súng này với giá 6.000.000 đồng. Sau đó, Đinh O đã sử dụng khẩu súng và đạn để đi săn thú rừng tại khu vực rừng thuộc xã C, huyện K cùng với Đinh D (em trai O).

Toàn bộ đạn, dây cháy chậm, kíp nổ và thuốc nổ, sau khi sử dụng còn lại L bỏ vào trong ba lô cất giấu. Đến ngày 30/12/2018, trên đường đi đến khu vực xã A, huyện K, tỉnh Gia Lai, thì L bị Tổ tuần tra của Công an huyện K, tỉnh Gia Lai phát hiện, bắt quả tang và thu giữ trong ba lô của L có **28 viên đạn các loại; 33 đoạn dây màu đen; 32 ống kim loại; 01 bịch ni lon bên trong có chất màu đen; 38 bịch ni lon bên trong có chứa chất màu nâu; 01 cuốn sổ; 01 điện thoại; 01 bịch ni lon (ngghi là heroin)** cùng các giấy tờ khác. Cơ quan Công an huyện đã ra Quyết định tạm giữ L, đến ngày 02/01/2019 L được trả tự do.

Đầu tháng 01/2019, Đinh Rơ P đến nhà Đinh Đ (trú làng H, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai) chơi. Tại đây, Rơ P gặp Đinh B (là bố của Đ), trong lúc nói chuyện Đinh B hỏi Rơ P có biết ai bán súng không? Đinh B muốn mua 01 khẩu súng để đi săn thú rừng. Rơ P nói không biết, nhưng hứa khi nào có người bán súng sẽ báo cho Đinh B biết.

Do không có đạn để sử dụng nên đầu tháng 02/2019, Đinh O đã nhờ Đinh Rơ P tìm người mua khẩu súng CKC trên. Khoảng 02 ngày sau, Đinh Rơ P đến nhà Đinh O để xem súng, O nói bán khẩu súng này với giá 7.000.0000 đồng, nếu Rơ P bán được giá cao hơn thì Rơ P hưởng. Hai bên thống nhất, **Rơ P bán khẩu súng là 8.500.000 đồng**, số tiền chênh lệch 1.500.000 đồng Rơ P hưởng. Sau đó, Rơ P điện thoại cho Đinh B hỏi B có mua súng CKC không? B nói muốn mua nhưng chưa có tiền, hẹn khi nào bán mì có tiền sẽ mua.

Đến khoảng 06 giờ ngày 19/02/2019, Đinh B điện thoại cho Đinh Rơ P biết đã có tiền và hẹn 17 giờ cùng ngày sẽ đến gặp Rơ P để mua súng, Đinh Rơ P đồng ý. Sau đó, Rơ P gọi điện thoại cho Đinh O biết. Đúng hẹn, Đinh Rơ P dẫn Đinh B và Đinh Đ đến nhà O. Tại đây, Đinh O lấy khẩu súng (trong súng không có đạn) đưa cho Đinh B xem. Đinh B hỏi Oanh bán bao nhiêu. Oanh nói bán 8.500.000 đồng. B đồng ý mua và đưa cho O 7.000.000 đồng, còn thiếu 1.500.000 đồng. B nói O và Rơ P đến nhà B chơi rồi trả số tiền còn thiếu, nhưng O đang bị đau nên không đi. Khi đi về, Đinh Đ điều khiển xe mô tô biển số 81K1-061.23 chở B cùng khẩu súng, còn Rơ P đi xe mô tô theo sau. Khi đi đến khu vực làng N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai thì Đ và B bị ngã xe (tự ngã) và bất tỉnh, lúc này Đinh Rơ P đến chỗ chiếc xe mô tô của B lấy khẩu súng thì bị anh Đinh Văn C (Cán bộ đội Cảnh sát giao thông, Công an huyện K) phát hiện và giật lấy khẩu súng. Rơ P sợ, nên bỏ chạy. Sau đó, anh C đã báo cho Cơ quan chức năng đến giải quyết và giao nộp khẩu súng trên.

Đối với khẩu súng Klip Đu: Ngày 04/01/2019, L đã giao nộp cho Công an huyện M, tỉnh Gia Lai.

Ngày 08/6/2019, Đinh A đã giao nộp khẩu súng tự chế trên cho Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Gia Lai .

**Tại Kết luận giám định số 97/KLGD ngày 04/01/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận:* gói ni lon đã thu giữ gửi đi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng là 0,1045 gram.

**Tại Kết luận giám định số: 03/C09C-Đ3 ngày 05/01/2019 của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng kết luận:*

- 21 (hai mươi một) viên kim loại màu vàng (một đầu bằng, một đầu nhọn) là đạn cỡ (5,56 x 45)mm, trong đó:

+ 10 viên không sử dụng được nên không còn là vũ khí.

+ 11 viên sử dụng được và thuộc vũ khí quân dụng.

- 04 viên kim loại màu vàng (một đầu bằng, một đầu tù) là đạn cỡ (7,62 x 33)mm, không sử dụng được nên không còn là vũ khí.

- 03 viên hình trụ (một đầu bọc kim loại màu vàng, phần còn lại bằng nhựa màu trắng) là đạn ghém cỡ 12, còn sử dụng được và có tác dụng tương tự như đạn súng săn.

**Tại Kết luận giám định số: 04/C09C (Đ4) ngày 09/01/2019 của Phân viện KHHS tại TP. Đà Nẵng kết luận:*

- 33 đoạn dây màu đen đều là dây cháy chậm, còn sử dụng được. Kích thước trung bình của mỗi dây màu đen: dài khoảng 03cm, đường kính 0,7cm.

- 32 ống kim loại đều là kíp nổ đốt vỏ nhôm và còn sử dụng được.

- Chất bột màu đen đựng trong 01 bịch nylon là thuốc nổ đen và còn sử dụng được, khối lượng là 46,94 gam.

- Chất rắn màu nâu (dạng cục, bột) đựng trong 38 bịch nylon đều là thuốc nổ Trinitrotoluene (TNT) và còn sử dụng được, tổng khối lượng là 3,64kg.

**Tại Kết luận giám định số 152/C09C-Đ3, ngày 12/3/2019 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ công an tại Thành phố Đà Nẵng kết luận:* Khẩu súng gửi giám định là súng trường CKC (SKS), còn sử dụng được và thuộc vũ khí quân dụng.

**Tại Kết luận giám định số 667/C09C-Đ2, ngày 05/7/2019 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ công an tại Thành phố Đà Nẵng kết luận:* Khẩu súng tự chế bắn bằng loại đạn cỡ (5,6x 15,6)mm, hiện tại súng không bắn được đạn nổ nên không phải là vũ khí.

Đối với gói ma túy đã thu giữ: L khai do người tên H (không rõ họ, địa chỉ) đã bỏ vào, khi L đưa ví cho H thanh toán tiền. Theo Kết luận giám định là ma túy, loại Ketamine có khối lượng là 0,1045 gram; L chưa có tiền án, tiền sự về hành vi này, nên chưa đủ căn cứ xử lý đối với Lyur về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vì vậy, ngày 19/7/2019, Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Gia Lai đã có Công văn số 529 đề nghị Công an huyện M ra quyết định xử phạt hành chính đối với L theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng vật liệu nổ để đào giếng và sử dụng súng, đạn để đi săn thú rừng của bị can L: do thời gian xảy ra đã lâu, dấu vết, hiện trường không còn và không có người chứng kiến, chỉ có một lời khai của L nên Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh Gia Lai không có căn cứ để xử lý L về tội sử dụng trái phép vật liệu nổ và sử dụng trái phép vũ khí quân dụng.

Đối với khẩu súng CKC trên: Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Gia Lai đã ra Quyết định Ủy thác điều tra cho Cơ quan điều tra các tỉnh, thành phố trong cả nước để truy tìm về nguồn gốc khẩu súng. Tuy nhiên, đến nay chưa có đơn vị nào báo mất khẩu súng, hoặc thất lạc khẩu súng có đặc điểm nêu trên.

Vật chứng đã thu giữ và xử lý vật chứng:

- 28 viên đạn các loại (sau khi giám định hoàn lại 15 viên và 11 vỏ đạn);
- 33 đoạn dây màu đen (sau khi giám định hoàn lại 32 đoạn);
- 32 ống kim loại màu vàng (kíp nổ);
- 01 bịch ni lông chứa chất bột màu đen có khối lượng là 46,94 gam (sau khi giám định hoàn lại 45 gam).
- 38 bịch ni lông bên trong có chứa chất rắn màu nâu (thuốc nổ) có khối lượng là 3,64 kg (sau khi giám định còn lại 3,58 kg) ;
- 01 khẩu súng CKC.

Ngày 07/3/2019 và ngày 05/7/2019, Cơ quan An ninh điều tra đã chuyển các vật chứng trên cho Bộ chỉ huy quân sự quản lý.

- 01 xe máy 81S1-4128 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe: Ngày 10/4/2019, Cơ quan An ninh điều tra đã trả cho chị HRõch là chủ sở hữu.
- 01 xe máy 81K1-061.23 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe.
- 04 điện thoại di động kèm theo 06 sim số (thu của Lyur, Bonh, Rơ Phum, Oanh)

- 01 CMND và 01 sổ hộ chiếu mang tên Lyur.
- 01 khẩu súng tự chế (thu của ALonh).
- 01 (một) bì Công văn của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai được niêm phong (bên trong có ma túy).
- 1.000.000 đồng (Đinh Oanh nộp)

Tại cáo trạng số 35/CTr- VKS - P1 ngày 14/8/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố L về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự (BLHS) và tội “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*” theo khoản 1 Điều 305 BLHS; truy tố Đinh A về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304 BLHS; truy tố Đinh O về tội “*Tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304BLHS; truy tố Đinh B về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304BLHS; truy tố Đinh Rơ P về tội “*mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” theo khoản 1 Điều 304 BLHS.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

*Các bị cáo L, Đinh A, Đinh O, Đinh B, Đinh Rơ P thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Các bị cáo thừa nhận tội, hối hận về hành vi của mình, xin được Hội đồng xét xử khoan hồng.

*Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh, đề nghị: Tuyên bố các bị cáo phạm tội danh như cáo trạng đã truy tố.

- Về hình phạt, đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 304; khoản 1 Điều 305; điểm s khoản 1,2 Điều 51; các Điều 38; 55 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Lyur từ 18 đến 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng*” và từ 12tháng đến 18 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép vật liệu nổ*”, buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 30 đến 42 tháng tù. Bị cáo được trừ 3 ngày tạm giữ

+ Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS năm 2015 đối với các bị cáo Đinh A L, Đinh O, Đinh B, Đinh Rơ P; Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo Đinh O, xử:

- Phạt bị cáo Đinh A từ 12 đến 18 tháng tù.
- Phạt bị cáo Đinh O từ 18 đến 24 tháng tù.
- Phạt bị cáo Đinh B từ 12 đến 18 tháng tù.
- Phạt bị cáo Đinh Rơ P từ 12 đến 18 tháng tù.

- Về biện pháp tư pháp, đề nghị: Buộc bị cáo Đinh A nộp số tiền 4.500.000 đồng, bị cáo L nộp số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo Đinh O nộp số tiền 7.000.000 đồng do phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước.

+ Về vật chứng, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong, 01 khẩu súng tự chế, 06 sim điện thoại di động; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 04 điện thoại di động; Trả cho bị cáo Đinh B 01 xe máy BKS 81K1-061.23 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Đinh B; Trả cho bị cáo L 01 CMND, 01 hộ chiếu mang tên L khi bị cáo đã chấp hành xong các hình phạt; Bảo thủ số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo Đinh O nộp để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Đinh O; Giao 01 khẩu súng trường CKC, số hiệu 12357857; 10 viên đạn cỡ (5,56 x 45)mm; 11 vỏ đạn cỡ (5,56 x 45)mm; 04 viên đạn cỡ (7,62 x 33) mm; 01 viên đạn ghém; 96 cm dây cháy chậm, vỏ sợi; 32 kíp nổ thường vỏ nhôm; 45g thuốc nổ đen; 3,58 kg thuốc nổ TNT cho BCHQS tỉnh Gia Lai bảo quản, sử dụng theo thẩm quyền luật định.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các chứng cứ, tài liệu thu thập được, có tại hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phù hợp với cáo trạng. Đối chiếu với các tài liệu chứng cứ đã thu thập, có tại hồ sơ vụ án như lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang; kết luận giám định..., thấy có đủ cơ sở khẳng định:

Vào các năm 2014, 2017, 2018, bị cáo L nhặt được 01 đoạn dây cháy chậm; 40 cái kíp nổ; 4,487 kg thuốc nổ; 72 viên đạn các loại; 01 khẩu súng AR15 và 01 khẩu súng bắn đạn Kabin và L mua thêm 03 viên đạn mang về nhà cất giấu. L đã cắt dây cháy chậm ra thành 41 đoạn. Sau đó, L sử dụng 08 đoạn dây cháy chậm, 08 cái kíp nổ và 800 gam thuốc nổ để nổ mìn đào giếng; sử dụng 39 viên đạn để đi săn thú rừng; giao nộp cho Công an 01 khẩu súng AR15 và 03 viên đạn, còn khẩu súng bắn đạn Kabin đã bị hỏng nên bị cáo tháo rời các bộ phận ra bán sắt vụn.

Cũng trong năm 2018, L mua một khẩu súng tự chế của ông H. Đến giữa năm 2018, L đổi khẩu súng tự chế trên cho bị cáo Đinh A lấy khẩu súng CKC và trả thêm cho Đinh A số tiền là 4.500.000 đồng.

Đến tháng 07/2018, L bán khẩu súng trên cùng 05 viên đạn cho bị cáo Đinh O với giá 6.000.000 đồng. Đinh O đã sử dụng khẩu súng đi săn thú rừng và ngày

19/02/2019, thông qua bị cáo Đinh Rơ P, Đinh O bán khẩu súng đã mua của L cho bị cáo Đinh B với giá 8.500.000 đồng.

Đối với số đạn, vật liệu nổ sau khi L sử dụng còn lại là 32 cái kíp nổ; 33 đoạn dây cháy chậm; 3,687 kg thuốc nổ; 28 viên đạn, Cơ quan chức năng đã phát hiện và thu giữ.

[3] Tại các Kết luận giám định số 03/C09C-Đ3 ngày 5/1/2019; số 04/C09C ngày 9/1/2019; số 152/C09C-Đ3 ngày 12/3/2019, và số 667/C09C-Đ2 ngày 5/7/2019 của Phân Viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Đà Nẵng kết luận: “Khẩu súng gửi giám định là súng trường CKC, còn sử dụng được và thuộc vũ khí quân dụng; 11 viên đạn còn sử dụng được và thuộc vũ khí quân dụng; các đoạn dây cháy chậm còn sử dụng được; 32 kíp nổ đốt vỏ nhôm còn sử dụng được và 46,94 gam thuốc nổ đen và 3,64 kg thuốc nổ Trinitrotoluene còn sử dụng được. Các vật chứng còn lại không sử dụng được và không phải vũ khí”.

[4] Như vậy, dù không được phép tàng trữ, sử dụng, mua bán vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, nhưng các bị cáo đã thực hiện các hành vi trên một cách trái pháp luật. Trong đó:

[5] Bị cáo L đã có hành vi cất giữ 01 khẩu súng CKC và các viên đạn là vũ khí quân dụng, và cất giữ vật liệu nổ từ năm 2014 đến năm 2018; đồng thời có hành vi bán khẩu súng CKC thuộc vũ khí quân dụng để kiếm lời, nên bị cáo L đã phạm vào các tội: “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ” theo khoản 1 Điều 305 BLHS; “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 BLHS.

[6] Bị cáo Đinh A có hành vi cất giữ, mua bán trái phép khẩu súng CKC là vũ khí quân dụng, nên đã phạm vào tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 BLHS.

[7] Bị cáo Đinh O có hành vi cất giữ, sử dụng súng đi săn, và mua bán trái phép khẩu súng CKC là vũ khí quân dụng, nên bị cáo Đinh O đã phạm vào tội “Tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 BLHS.

[8] Bị cáo Đinh B có hành vi mua khẩu súng CKC là vũ khí quân dụng để sử dụng đi săn, nhưng chưa sử dụng thì bị phát hiện, nên hành vi của bị cáo Đinh B đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 BLHS.

[9] Bị cáo Đinh Rơ P có hành vi môi giới, giúp sức cho Đinh O và Đinh B thực hiện việc mua bán khẩu súng CKC là vũ khí quân dụng để hưởng chênh lệch, nên bị cáo Đinh Rơ P đã phạm vào tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 BLHS.

[10] Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại trật tự quản lý Nhà nước đối với vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn chung tại địa phương, cần nghiêm trị, áp dụng hình phạt tù, cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân tốt sau này, và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Khi quyết định hình phạt có xem xét đến tính chất, mức độ của

hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo. Trong đó, bị cáo Đinh O có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; bị cáo Đinh A từng có 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” tuy đã chấp hành xong án phạt tù, đương nhiên xóa án tích, song thể hiện là người có nhân thân không tốt. Tuy nhiên, quá trình điều tra, và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải; các bị cáo đều thuộc diện hộ nghèo, văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật còn hạn chế; cha bị cáo L là người có công với cách mạng; các bị cáo L, Đinh B, Đinh Rơ P phạm tội lần đầu; bị cáo Đinh O nộp một phần tiền do phạm tội mà có; bị cáo Đinh A và Đinh Rơ P có thời gian tham gia quân đội là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, cần được áp dụng cho các bị cáo.

[11] Về vật chứng:

- Xét 01 phong bì niêm phong chứa chất ma túy, 01 khẩu súng tự chế không sử dụng được, và 06 sim điện thoại di động của các bị cáo dùng khi phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy.

- Xét 04 điện thoại di động các bị cáo dùng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Xét chiếc xe máy BKS 81K1-061.23 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Đinh B là chiếc xe máy duy nhất của gia đình bị cáo B, nên trả lại cho bị cáo B.

- Xét 01 CMND, 01 hộ chiếu mang tên L là giấy tờ tùy thân của bị cáo L, nên trả lại cho bị cáo khi bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

- Xét số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo Đinh O nộp, nên tiếp tục bảo thủ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Đinh O.

- Xét 01 khẩu súng trường CKC, số hiệu 12357857; 10 viên đạn cỡ (5,56 x 45)mm; 04 viên đạn cỡ (7,62 x 33) mm; 01 viên đạn ghém; 11 vỏ đạn cỡ (5,56 x 45)mm; 96 cm dây chày chậm, vỏ sợi; 32 kíp nổ thường vỏ nhôm; 45g thuốc nổ đen; 3,58 kg thuốc nổ TNT là vũ khí quân dụng và vật liệu nổ, còn giá trị sử dụng nên giao cho BCHQS tỉnh Gia Lai bảo quản, sử dụng theo thẩm quyền luật định.

[12] Về biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Đinh A nộp số tiền 4.500.000 đồng, bị cáo L nộp số tiền 6.000.000 đồng, bị cáo Đinh O nộp số tiền 7.000.000 đồng do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước

[13] Đối với các đối tượng liên quan trong vụ án:

Đinh D và Đinh Thị A biết Đinh O tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng. Tuy nhiên Đinh D là em ruột của Đinh O và Đinh Thị A là vợ của Đinh O. Căn cứ vào Điều 19 BLHS, Cơ quan An ninh điều tra không xử lý đối với Đinh D và Đinh Thị A về tội “Không tố giác tội phạm” là phù hợp.

Đinh Đ là con của Đinh B : Việc mua bán súng giữa Đinh B và Đinh O, Đinh Đ không biết. Sau khi mua súng, trên đường chở Đinh B về thì Đinh Đ bị tai nạn. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra không xử lý đối với Đinh Đ là phù hợp.

H là người đã bán cho L khẩu súng tự chế. Tuy nhiên, kết quả giám định kết luận hiện tại khẩu súng không bắn được đạn nổ nên không phải là vũ khí. Do đó, không có căn cứ để xử phạt hành chính đối với H về hành vi này.

[14]Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố:

- Bị cáo L (Tên gọi khác: Dư) phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng” và tội “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ”;
- Bị cáo Đinh A phạm tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”;
- Bị cáo Đinh O (Tên gọi khác: Đinh Văn O) phạm tội “Tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”;
- Bị cáo Đinh B (Tên gọi khác: Bã D) phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”;
- Bị cáo Đinh Rơ P phạm tội “Mua bán trái phép vũ khí quân dụng”.

2. Về hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 305; khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo L 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép vũ khí quân dụng”; 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vật liệu nổ”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: 3/5/2019, được khấu trừ 03 ngày tạm giữ (từ ngày 31/12/2018 đến ngày 02/01/2019)

+ Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đinh A 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đinh O 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam: ngày 17/7/2019.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đinh B 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đinh Rơ P 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 BLHS, xử: Buộc bị cáo Đinh A nộp 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm ngàn) đồng; bị cáo L nộp 6.000.000 (Sáu triệu) đồng; bị cáo Đinh O nộp 7.000.000 (Bảy triệu) đồng tiền do phạm tội mà có, để sung công quỹ Nhà nước .

4. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị định số 70/2013/NĐ - CP ngày 02/7/2013 của Chính Phủ, xử:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong (có 05 con dấu giáp lai của phòng kỹ thuật hình sự CA tỉnh Gia Lai và 03 chữ ký của Nguyễn Văn T, Nguyễn Đức H và Bùi Sĩ T); 01 khẩu súng tự chế; 06 sim điện thoại.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 04 điện thoại di động.

+ Trả cho bị cáo Đinh B 01 xe máy BKS 81K1-061.23 cùng 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Đinh Bonh (số 004627 cấp ngày 22/05/2018, do CA huyện K cấp);

+ Trả cho bị cáo L 01 CMND mang tên L, 01 hộ chiếu mang tên L khi bị cáo chấp hành xong hình phạt.

+ Bảo thủ số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Đinh O.

(Các vật và tiền nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng số 63/2019 lập ngày 05/9/2019 giữa cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Gia Lai với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

+ Giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Gia Lai bảo quản, sử dụng theo thẩm quyền các vũ khí, vật liệu nổ sau:

- 01 khẩu súng trường CKC, số hiệu 12357857 thể hiện tại Lệnh nhập kho vật chứng số 03/NK-VC được thực hiện xong vào ngày 05/7/2019 giữa cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh và Kho vật chứng BCHQS tỉnh Gia Lai.

- 10 viên đạn cỡ (5,56x45)mm; 04 viên đạn cỡ (7,62x33) mm; 01 viên đạn ghém; 11 vỏ đạn cỡ (5,56x45)mm; 96 cm dây cháy chậm, vỏ sợi; 32 kíp nổ thường vỏ nhôm; 45g thuốc nổ đen; 3,58 kg thuốc nổ TNT thể hiện tại Lệnh nhập kho vật chứng số 01/NK-VC được thực hiện xong vào ngày 07/3/2019 giữa cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh và Kho vật chứng BCHQS tỉnh Gia Lai.

5. Về án phí:

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, xử buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Gia lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Trại giam CA tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa HS, VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn Cảnh